

CÔNG KHAI TỔNG THU NHẬP CB - GV - NV THÁNG 6/2024

STT	Họ và tên	Cấp bậc chức vụ	LƯƠNG NGÂN SÁCH	Truy lương và PC theo lương từ 3/2024 đến 5/2024	Phụ trội T5.2024	Truy lương, PC theo lương + phụ trội từ T12.2023 đến 6.2024	Truy NQ08 Q4.2023 + Q1.2024	TỔNG THU NHẬP	Ký tên
1	Nguyễn Thị Kim Ngân	Hiệu trưởng	16.865.467		3.246.015			20.111.482	
2	Nguyễn Thị Xuân Phụng	Phó HT	13.077.288		2.487.822			15.565.110	
3	Vũ Đình Uyên Phụng	GV - KT nhà trẻ	16.758.725		3.068.313			19.827.038	
4	Lê Phạm Tường Vân	GV-KT mầm	16.925.625		3.043.569			19.969.194	
5	Nguyễn Thị Mai Phương	Giáo viên	16.306.875		2.926.056			19.232.931	
6	Hoàng Thị Ngọc Chi	Giáo viên	11.810.387		2.028.090			13.838.477	
7	Lê Phương Thảo Ly	Giáo viên	11.397.649		1.958.156			13.355.805	
8	Huỳnh Thị Cẩm Tú	Giáo viên	17.317.481		3.165.619			20.483.100	
9	Đinh Thị Hoa	Giáo viên	16.185.994		2.919.894			19.105.888	
10	Nguyễn Thị Thu Trang	Giáo viên	14.645.591	2.862.205	2.669.154			20.176.950	
11	Trần Đăng Ngọc Hương	Giáo viên	9.541.863		1.577.674			11.119.537	
12	Hồ Ngọc Anh	Giáo viên	11.281.581		1.910.865			13.192.446	
13	Nguyễn Ngọc Tường Vy	Giáo viên	8.613.893		1.390.276			10.004.169	
14	Võ Thị Thùy Dung	Giáo viên	8.526.254		1.377.282			9.903.536	
15	Nguyễn Thị Kim Ngân	Giáo viên	6.981.660		1.079.585			8.061.245	
16	Nguyễn Thanh Thảo	Giáo viên	7.923.510		1.246.777			9.170.287	
17	Trịnh Thị Diễm Dung	Giáo viên	8.613.893		1.390.276			10.004.169	
18	Trần Phạm Ngọc Thắm	Giáo viên	6.551.100		872.308			7.423.408	
19	Dương Thị Hoa	Cấp dưỡng	7.955.460		1.361.966			9.317.426	
20	Trần Tăng Hải	Cấp dưỡng - TT bếp	7.955.460	824.400	1.361.966			10.141.826	
21	Tô Mỹ Châu	NV nuôi dưỡng	7.354.600					7.354.600	
22	Phạm Trí Dũng	Bảo vệ	5.058.600					5.058.600	

STT	Họ và tên	Cấp bậc chức vụ	LƯƠNG NGÂN SÁCH	Truy lương và PC theo lương từ 3/2024 đến 5/2024	Phụ trội TS.2024	Truy lương, pc theo lương + phụ trội từ T12.2023 đến 6.2024	Truy NG08 Q4.2023 + Q1.2024	TỔNG THU NHẬP	Ký tên
23	Nguyễn Văn Phú	Bảo vệ	4.538.600					4.538.600	<i>Nguyễn Văn Phú</i>
24	Lê Thị Bích Thủy	NV/PV	2.340.000					2.340.000	<i>Lê Thị Bích Thủy</i>
25	Lê Thị Duyên	Văn Thư- Thủ quỹ	3.438.441		557.841	4.521.626	2.103.126	10.621.034	<i>Lê Thị Duyên</i>
26	Phạm Thị Kiều Hạnh	Kế toán	4.271.084		700.389	15.167.464	7.135.920	27.274.857	<i>Phạm Thị Kiều Hạnh</i>
27	Nguyễn Thị Lam	NVND - Y tế	2.340.000					2.340.000	<i>Nguyễn Thị Lam</i>
28	Tô Kim Ngân	NV nuôi dưỡng	2.340.000					2.340.000	<i>Tô Kim Ngân</i>
29	Trần Thị Thắm	NV/PV	4.188.600					4.188.600	<i>Trần Thị Thắm</i>
	Tổng cộng		271.105.681	3.686.605	42.339.893	19.689.090	9.239.046	346.060.315	

Kế Toán

Phạm Thị Kiều Hạnh

Phạm Thị Kiều Hạnh

Ngày 30 tháng 06 năm 2024
 Hiện trưởng
 NGOC LAN
 NGUYỄN THỊ KIM NGÂN